TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 43/2023/HNGĐ-ST Ngày: 10 -4-2023 *V/v "tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Trần Thanh Vũ

2/ Lê Thị Xuân Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Mai Thị L, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp T 1, xã Thới Xuân, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 43, ấp Thới Bình 1, xã Thới Xuân, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thông qua sự quen biết nhau giữa chị Mai Thị L và anh Nguyễn Minh S vào năm 2012. Sau thời gian tìm hiểu hai bên phát sinh tình cảm và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào đầu năm 2013, vợ chồng có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng thuộc ấp T1, xã Thới Xuân, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu

thuẫn do anh S không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên kiếm chuyện và ghen tuông vô cớ đối với chị L, vợ chồng cãi nhau thì anh S xua đuổi chị L đi khỏi nhà. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên cả 02 đã ly thân từ năm 2022. Nay nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài quan vợ chồng nên chị L đề nghị Tòa án xem xét không công nhận quan hệ là vợ chồng với anh Nguyễn Minh S.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Chăm A, sinh năm 2015; Nguyễn Minh H, sinh năm 2013. Hiện các con chung đang sống cùng anh S và có nguyện vọng sống với anh S nên chị L đề nghị anh S tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến trưởng thành, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nghĩa vụ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Minh S trong bản tự khai và tại biên bản ghi nhận ý kiến trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Minh S và chị Mai Thị L là tự nguyện, do 02 bên ở cùng xóm nên quen biết nhau. Sau thời gian tìm hiểu hai bên phát sinh tình cảm và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng anh S và chị L không đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ cãi nhau những việc nhỏ hàng ngày trong cuộc sống, một phần do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng cãi nhau về những chi tiêu trong cuộc sống hàng ngày, từ đó chị L bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống rồi không chịu về. Nay chị L đề nghị Tòa án xem xét không công nhận là vợ chồng thì anh S cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Chăm A, sinh năm 2015; Nguyễn Minh H, sinh năm 2013. Hiện các con chung đang sống cùng anh S nên anh S đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành, anh S không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Mai Thị L và anh Nguyễn Minh S chung

sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị S và anh L là không hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Tòa án xem xét giải quyết theo quan hệ pháp luật: Tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Minh S có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ là vợ chồng và có đơn xin xét xử vắng mặt được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày chị Mai Thị L và anh Nguyễn Minh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, việc L và anh Cường chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trên cơ sở đó chị L yêu cầu Tòa án xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng với anh S là đúng theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Xét quá trình chung sống giữa chị Mai Thị L và anh Nguyễn Minh S có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Chăm A, sinh năm 2015; Nguyễn Minh H, sinh năm 2013. Hiện các con chung đang sống cùng anh S và có nguyện vọng tiếp tục chung sống với anh S và chị L cũng thống nhất, nên Tòa án tiếp tục giao quyền chăm sóc, giáo dục các con chung cho anh S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do anh S không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét chia tài sản chung, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ chung: Đương sự khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Mai Thị L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị L về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Minh S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Mai Thị L và anh Nguyễn Minh S là vợ chồng.

3. Về nuôi con chung: Giao các con chung Nguyễn Ngọc Chăm A, sinh năm 2015; Nguyễn Minh H, sinh năm 2013 cho anh Nguyễn Minh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Mai Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Mai Thị L theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về chia tài sản chung và nghĩa vụ chung: Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị Mai Thị L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí số tiên 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009768 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Chị L đã thực hiện xong.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết hay tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND TP Cần Thơ;*
- *VKSND huyện Cờ Đỏ;*
- *UBND xã Thới Xuân;*
- *Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;*
- *Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;*
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Khoa